

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam
2. Bà Nguyễn Thị Hải Yến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1962. Cư trú: đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Kha Khải T**, sinh năm 1952 và bà **Phan Thị H**, sinh năm 1957. Cùng nơi cư trú: đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2003 đầu năm 2004 ông có cho ông Kha Khải T vay 7.000.000 đồng để giải quyết kinh tế gia đình, lãi suất hai bên thỏa thuận

là 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả mà khi nào ông cần thì sẽ yêu cầu ông T trả. Một tháng sau khi vay thì ông T không trả được tiền lãi nên ông đã yêu cầu ông T trả tiền gốc nhưng ông T cũng không trả được cả gốc lẫn lãi do đó ông đã nhập chung tiền gốc và tiền lãi của tháng trước rồi tính tiền lãi tháng sau trên số tiền gốc và lãi nhập chung này; tính đến ngày 01/12/2004 từ tiền gốc 7.000.000 đồng nhập tiền lãi với mức lãi suất 5%/tháng thì tổng cộng thành tiền gốc là 25.500.000 đồng.

Ngày 06/12/2008 ông T đã viết cho ông 01 giấy vay tiền với số tiền 130.000.000 đồng nhưng thực chất là giấy chốt nợ với số tiền gồm nợ gốc là 25.500.000 đồng và lãi suất từ năm 2004 đến năm 2008 là 105.500.000 đồng. Sau khi chốt số nợ thì ông tính lãi suất 3%/tháng trên số nợ 130.000.000 đồng với cách tính lãi nhập gốc. Ngày 01/6/2009 ông T xác nhận lại cho ông số nợ 174.210.000 đồng (viết trong giấy vay tiền ngày 06/12/2008) là số tiền được tính từ 130.000.000 đồng nói trên cộng với lãi suất 3%/tháng, từ tháng 12/2008 đến 01/6/2009.

Từ khi vay tiền đến nay ông T đã trả cho ông được tổng cộng 127.975.000 đồng, trong đó gồm 101.930.000 đồng tiền gốc và 26.045.000 đồng tiền lãi, cụ thể như sau:

- Tiền lãi đã trả: Ngày 25/01/2005 trả 1.000.000 đồng. Ngày 20/4/2005 trả 1.200.000 đồng. Ngày 20/9/2005 trả 1.150.000 đồng. Ngày 20/10/2005 trả 1.675.000 đồng. Ngày 20/11/2005 trả 1.675.000 đồng. Ngày 20/12/2005 trả 1.675.000 đồng. Ngày 20/12/2006 trả 3.000.000 đồng. Ngày 20/12/2007 trả 4.890.000 đồng. Ngày 20/01/2008 trả 4.890.000 đồng và ngày 20/02/2008 trả 4.890.000 đồng.

- Tiền gốc đã trả: Tháng 8, 9 và 10/2012 trả 2.700.000 đồng. Tháng 12/2012 trả 1.000.000 đồng. Ngày 14/01/2013 trả 1.000.000 đồng. Ngày 15/02/2013 trả 1.000.000 đồng. Ngày 13/4/2013 trả 730.000 đồng. Ngày 01/5/2013 trả 500.000 đồng. Ngày 18/6/2013 trả 50.000.000 đồng. Ngày 14/01/2014 trả 30.000.000 đồng và ngày 15/02/2015 trả 15.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Kha Khải T, bà Phan Thị H trả cho ông số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi 5.191.000.000 đồng từ ngày 06/12/2008 đến ngày 25/01/2019 (ngày nộp đơn khởi kiện) với mức lãi suất là 3%/tháng; tổng cộng là 5.321.000.000 đồng. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bị đơn ông Kha Khải T và bà Phan Thị H trình bày:

Ngày 03/12/2003 ông T có vay của ông K 7.000.000 đồng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho gia đình, khi vay chỉ thỏa thuận mức lãi suất là 5%/tháng mà không thỏa thuận cách tính lãi nhập gốc, thời hạn trả là cuối tháng 12/2003 nhưng do gia đình khó khăn nên đến hạn vợ chồng ông T, bà H

không trả được tiền lãi và tiền gốc. Sau đó từ tháng 01/2004 đến nay ông K tự tính tiền lãi thành 5.191.000.000 đồng trên số tiền gốc 7.000.000 đồng.

Trong thời gian từ ngày 25/01/2005 đến ngày 15/02/2015 vợ chồng bà H đã trả cho ông K tổng cộng 127.975.000 đồng, trong đó gồm 101.930.000 đồng tiền gốc và 26.045.000 đồng tiền lãi như lời ông K trình bày. Vì vậy, vợ chồng ông T, bà H không đồng ý trả số tiền 5.321.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại phiên tòa,

Ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên ông trình bày số tiền vay gốc tổng cộng là 25.500.000 đồng, vì sau khi ông cho ông T vay 7.000.000 đồng mặc dù ông T không trả được đồng tiền lãi nào nhưng ông vẫn tiếp tục cho ông T vay thêm nhiều lần với số tiền là 18.500.000 đồng, cụ thể: Ngày 13/02/2004 ông cho ông T vay thêm 2.000.000 đồng, ngày 01/3/2004 cho vay 2.000.000 đồng, ngày 18/4/2004 cho vay 1.000.000 đồng, ngày 04/7/2004 cho vay 3.000.000 đồng, ngày 11/8/2004 cho vay 3.000.000 đồng, ngày 01/9/2004 cho vay 2.000.000 đồng, ngày 01/10/2004 cho vay 1.000.000 đồng, ngày 01/11/2004 cho vay 2.000.000 đồng, ngày 11/11/2004 cho vay 1.000.000 đồng, ngày 25/11/2004 cho vay 1.000.000 đồng và ngày 15/12/2004 cho vay 500.000 đồng. Đối với số tiền vay 18.500.000 đồng này ông không có chứng cứ chứng minh đã cho ông T vay. Ngoài ra ông xác nhận vợ chồng bị đơn đã trả cho ông tổng cộng 127.975.000 đồng, trong đó gồm 101.930.000 đồng tiền gốc và 26.045.000 đồng tiền lãi như trong quá trình chuẩn bị xét xử ông đã trình bày.

Bị đơn bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vợ chồng bà đã trả cho nguyên đơn số tiền vượt quá tiền gốc và tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật. Ông T chỉ vay 7.000.000 đồng tiền gốc, không vay thêm số tiền 18.500.000 đồng mà số tiền này là tiền ông K tính lãi từ 7.000.000 đồng tiền gốc. Hơn nữa, từ khi vay cho đến nay số tiền vợ chồng bà đã trả cho ông K vượt quá số tiền vay gốc ban đầu với mức lãi suất 5%/tháng. Do đó bị đơn đề nghị Tòa án điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật, trường hợp sau khi điều chỉnh lại lãi suất mà số tiền lãi và gốc đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì bị đơn không yêu cầu ông K trả lại vì khi vợ chồng bà khó khăn ông K đã cho vợ chồng bà vay tiền giải quyết kinh tế gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền bị đơn đã trả, vượt quá số tiền gốc và lãi phải trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Kha Khải T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn K cho rằng vợ chồng ông Kha Khải T, bà Phan Thị H vay tiền ông, hiện còn nợ tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 5.321.000.000 đồng nhưng không trả mặc dù ông đã đòi nhiều lần nên khởi kiện yêu cầu ông T, bà H hiện có cùng nơi cư trú: Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền nợ nói trên. Vì vậy xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn ông T, bà H trả 130.000.000 đồng tiền vay gốc và 5.191.000.000 đồng tiền lãi thấy rằng:

Ông K trình bày sau khi cho ông T vay 7.000.000 đồng thì tiếp tục cho ông T vay thêm nhiều lần với số tiền là 18.500.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh trong khi đó bị đơn không thừa nhận đã vay thêm 18.500.000 đồng mà chỉ thừa nhận vay 7.000.000 đồng tiền gốc theo Giấy mượn tiền viết tay ngày 03/12/2003 có chữ ký xác nhận của ông T. Hơn nữa ông K khai sau khi bị đơn vay 7.000.000 đồng thì đã không trả bất kỳ đồng tiền lãi nào nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục cho bị đơn vay nhiều lần là không phù hợp. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2019, ông K cũng trình bày Giấy vay tiền ngày 06/12/2008 với số tiền 130.000.000 đồng thực chất là giấy chốt nợ từ số tiền nợ 25.500.00 đồng cộng lãi nhập gốc và số tiền 25.500.000 đồng là được tính từ số tiền vay gốc 7.000.000 đồng cộng tiền lãi nhập gốc với mức lãi suất 5%/tháng. Do đó, xác định số tiền vay gốc giữa các bên đương sự 7.000.000 đồng là có cơ sở.

Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày đã trả cho ông K 127.975.000 đồng, trong đó gồm 101.930.000 đồng tiền gốc và 26.045.000 đồng tiền lãi và nguyên đơn cũng thừa nhận đã nhận số tiền này của bị đơn. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc ông T, bà H đã trả 127.975.000 đồng tiền gốc lẫn lãi cho nguyên đơn là có thật.

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trả lãi là 5%/tháng, sau giảm 3%/tháng là cao hơn quy định của pháp luật. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 05/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tiểu mục b Mục 2 Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 1995. Căn cứ Quyết định số 1573/2003/QĐ-NHNN ngày 28/11/2003 của thống đốc ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 7,5%/năm tương đương $0,625\%/tháng \times 150\% = 0,9375\%/tháng$; Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của thống đốc ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tương đương $0,75\%/tháng \times 150\% = 1,125\%/tháng$. Cần điều chỉnh lại lãi, lãi suất và số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn được trừ vào số tiền nợ gốc theo từng thời điểm trả, cụ thể như sau:

[3.1]. Lãi trên nợ gốc trong hạn:

$7.000.000 \text{ đồng} \times 0,9375\%/tháng \times 1 \text{ tháng (từ ngày 03/12/2003 đến 03/01/2004)} = \mathbf{66.000 \text{ đồng}}$.

[3.2]. Lãi trên nợ gốc quá hạn:

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 04/01/2004 đến ngày 25/01/2005 (là ngày ông K nhận 1.000.000 đồng tiền lãi từ bị đơn): $7.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 12 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = \mathbf{1.000.000 \text{ đồng}}$. Tính đến ngày 25/01/2005 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn là $1.000.000 \text{ đồng} + 66.000 \text{ đồng} = 1.066.000 \text{ đồng}$; bị đơn đã trả 1.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền bị đơn còn nợ là 7.000.000 đồng tiền gốc và 66.000 tiền lãi.

- Ngày 20/4/2005 ông K đã nhận 1.200.000 đồng tiền lãi nên lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 25/01/2005 đến ngày 20/4/2005 là: $7.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 02 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = \mathbf{223.000 \text{ đồng}}$. Tiền lãi trả dư trừ vào tiền gốc là: $1.200.000 \text{ đồng} - (223.000 \text{ đồng} + 66.000 \text{ đồng}) = 911.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ gốc còn lại đến ngày 20/4/2005 là $7.000.000 \text{ đồng} - 911.000 \text{ đồng} = 6.089.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 20/9/2005 ông K đã nhận 1.150.000 đồng tiền lãi nên lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 20/4/2005 đến ngày 20/9/2005 là: $6.089.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 5 \text{ tháng} = \mathbf{343.000 \text{ đồng}}$. Tiền lãi trả dư trừ vào tiền gốc là $1.150.000 \text{ đồng} - 343.000 \text{ đồng} = 807.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ gốc còn lại đến ngày 20/9/2005 là $6.089.000 \text{ đồng} - 807.000 \text{ đồng} = 5.282.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 20/10/2005 ông K đã nhận 1.675.000 đồng tiền lãi nên lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 20/9/2005 đến ngày 20/10/2005 là: $5.282.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = \mathbf{59.000 \text{ đồng}}$. Tiền lãi trả dư trừ vào tiền gốc là $1.675.000 \text{ đồng} - 59.000 \text{ đồng} = 1.616.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ gốc còn lại đến ngày 20/10/2005 là $5.282.000 \text{ đồng} - 1.616.000 \text{ đồng} = 3.666.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 20/11/2005 ông K đã nhận 1.675.000 đồng tiền lãi nên lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 20/10/2005 đến ngày 20/11/2005 là: $3.666.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = \mathbf{41.000 \text{ đồng}}$. Tiền lãi trả dư trừ vào tiền gốc là $1.675.000 \text{ đồng} - 41.000 \text{ đồng} = 1.634.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ gốc còn lại đến ngày 20/11/2005 là $3.666.000 \text{ đồng} - 1.634.000 \text{ đồng} = 2.032.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 20/12/2005 ông K đã nhận 1.675.000 đồng tiền lãi nên lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 20/11/2005 đến ngày 20/12/2005 là: $2.032.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = \mathbf{23.000 \text{ đồng}}$. Tiền lãi trả dư trừ vào tiền gốc là $1.675.000 \text{ đồng} - 23.000 \text{ đồng} = 1.652.000 \text{ đồng}$. Số tiền nợ gốc còn lại đến ngày 20/12/2005 là $2.032.000 \text{ đồng} - 1.652.000 \text{ đồng} = 380.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 20/12/2006 ông K đã nhận 3.000.000 đồng tiền lãi nên lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 20/12/2005 đến ngày 20/12/2006 là: $380.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = \mathbf{51.000 \text{ đồng}}$. Tiền lãi trả dư trừ vào tiền gốc là $3.000.000 \text{ đồng} - 51.000 \text{ đồng} = 2.949.000 \text{ đồng}$. Và đến ngày 20/12/2006 thì số tiền lãi bị đơn trả còn dư lại sau khi trừ hết nợ gốc và lãi là: $2.943.000 \text{ đồng} - 380.000 \text{ đồng} = 2.569.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tính từ ngày vay 03/12/2003 cho đến ngày 20/12/2006 thì tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là $7.000.000 \text{ đồng} + 66.000 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng} + 223.000 \text{ đồng} + 343.000 \text{ đồng} + 59.000 \text{ đồng} + 41.000 \text{ đồng} + 23.000 \text{ đồng} + 51.000 \text{ đồng} = 8.806.000 \text{ đồng}$. Trong khi đó bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 11.375.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở kết luận không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc đòi ông T, bà H trả 130.000.000 đồng tiền vay gốc và 5.191.000.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, từ ngày 20/12/2007 đến ngày 20/02/2008 ông T vẫn tiếp tục trả lãi thêm 03 lần với số tiền là 14.670.000 đồng và từ tháng 8/2012 đến ngày 15/02/2015 nhiều lần trả tiền gốc với tổng số tiền là 101.930.000 đồng. Như vậy, số tiền ông T đã trả cho ông K sau khi trừ cả tiền gốc lẫn tiền lãi thì còn lại là: $14.670.000 \text{ đồng} + 101.930.000 \text{ đồng} + 2.569.000 \text{ đồng} = 119.169.000 \text{ đồng}$, cần trả lại cho vợ chồng ông T, bà H. Tuy nhiên vợ chồng bị đơn không yêu cầu ông K trả lại số tiền 119.169.000 đồng này nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 1.321.000.000 \text{ đồng})$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 1995

Tiểu mục b Mục 2 Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự 2005

Điểm c khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 3 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 05/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc buộc ông Kha Khải T và bà Phan Thị H trả 130.000.000 (*Một trăm ba mươi triệu*) đồng tiền vay gốc và 5.191.000.000 (*Năm tỷ một trăm chín mươi một triệu*) đồng tiền lãi.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.321.000 (*Một trăm mười ba triệu ba trăm hai mươi một ngàn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông K đã nộp là 56.660.500 (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn năm trăm*) đồng theo biên lai số AA/2016/0005202 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Ông K còn phải nộp 56.660.500 (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn năm trăm*) đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc